

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2022/DS-ST

Ngày: 21-4-2022

“V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Tài

2. Ông Lê Văn Thới

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2022/QĐST-DS ngày 24/3/2022) giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ trụ sở: Phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Hồng S. Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Vĩnh Long - Ngân hàng TMCP S. (Văn bản ủy quyền số 3977 ngày 28/12/2020).

Người đại diện hợp pháp của ông Cao Hồng S: Ông Nguyễn Phú Q. Chức vụ: Chuyên viên Quản lý nợ- Ngân hàng TMCP S – CN Vĩnh Long (văn bản ủy quyền số 168 ngày 12/5/2021). Địa chỉ: Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. **(Có mặt)**

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. **(Vắng mặt)**

Địa chỉ liên lạc: Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long và Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2021 cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) do anh Nguyễn Phú Q là người đại diện trình bày:

Ngày 08/5/2014, Ngân hàng ký với chị Nguyễn Thị Thanh T hợp đồng sử dụng thẻ (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bảng điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của chị T, Ngân hàng đã cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 40.000.000đ, số thẻ 970403-7059. Thời hạn sử dụng thẻ là 03 năm. Lãi suất trong hạn áp dụng khi cấp thẻ là 2,5%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng.

Quá trình giao dịch thẻ hiện chi tiết trên bảng sao kê, thứ tự thanh toán thẻ tín dụng căn cứ Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng chị T không có thiện chí trả nợ, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ngày 05/01/2016, Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần liên hệ với chị T nhưng chị không hợp tác. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long buộc chị T thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến 08/6/2021 là 151.094.672đ (Trong đó: nợ gốc là 43.464.961đ, nợ lãi quá hạn: 107.629.711đ) và chịu lãi phát sinh từ ngày 09/6/2021 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, đồng thời bà T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Nguyễn Thị Thanh T: Tòa án thông qua Văn phòng Thừa phát lại tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Tòa án không nhận được văn bản trình bày ý kiến của chị T gửi Tòa án, chị T cũng không đến dự các phiên họp nên không tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Anh Q là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc chị T phải trả Ngân hàng tính đến ngày 21/4/2022 tổng cộng 168.317.599đ (Nợ gốc:

43.464.961đ, Lãi quá hạn: 124.852.638đ) và chịu toàn bộ án phí; bị đơn chị T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản vì cho rằng quyền và lợi ích của Ngân hàng bị xâm phạm là có quyền khởi kiện; bị đơn cư trú tại thành phố Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Bị đơn Nguyễn Thị Thanh T: Tòa án thông qua Văn phòng Thừa phát lại tiến hành tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa hai lần hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không lý do nên xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hợp đồng sử dụng thẻ, số thẻ 970403-7059, loại thẻ tín dụng nội địa Family được ký giữa Ngân hàng với chị Nguyễn Thị Thanh T vào ngày 08/5/2014 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, với mức cấp tín dụng là 40.000.000đ. Chị T đã rút sử dụng số tiền 39.443.457đ và đã trả được 18.550.000đ sau đó ngưng không trả cho đến nay. Từ ngày 05/01/2016, Ngân hàng đã khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo thỏa thuận tại bảng Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Căn cứ theo bảng tóm tắt sao kê tính đến ngày 21/4/2022, chị T còn nợ Ngân hàng tổng cộng 168.317.599đ (Nợ gốc: 43.464.961đ, Lãi quá hạn: 124.852.638đ). Chị T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị T không đưa ra chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền lợi cho mình nên phải chịu hậu quả theo qui định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngân hàng cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh chị T có vay tiền của Ngân hàng như: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bảng điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng), tóm tắt sao kê, nên đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc chị T có nghĩa vụ trả số tiền như nêu trên và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng mở thẻ tín dụng số thẻ 970403-7059 ngày 08/5/2014.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thanh T vay nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân, không phải mục đích kinh doanh nên buộc chị chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 8.416.000đ.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T phải trả Ngân hàng TMCP S 168.317.599đ (một trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm mười bảy ngàn, năm trăm chín mươi chín đồng). Trong đó: Nợ gốc: 43.464.961đ, Lãi quá hạn: 124.852.638đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Thanh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 8.416.000đ (tám triệu bốn trăm mười sáu ngàn đồng).

Hoàn trả Ngân hàng TMCP S 3.777.000đ (ba triệu, bảy trăm bảy mươi bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000306 ngày 28/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án tại chính quyền địa phương để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Thuận

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.....

.....

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Thuận

